

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quyết định số 1092/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình sức khỏe Việt Nam

Căn cứ Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

Căn cứ Quyết định số 1092/QĐ-TTg ngày 02/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình sức khỏe Việt Nam;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1092/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình sức khỏe Việt Nam, như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung: Xây dựng môi trường hỗ trợ, tăng cường năng lực cho mỗi người dân; thực hiện tốt công tác quản lý, chăm sóc sức khỏe toàn diện để nâng cao sức khỏe tâm vóc, tuổi thọ và chất lượng cuộc sống của người dân.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Mục tiêu 1: Bảo đảm chế độ dinh dưỡng hợp lý, tăng cường vận động thể lực để cải thiện tầm vóc và nâng cao sức khỏe cho người dân.

2.2. Mục tiêu 2: Nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của mỗi người dân và cộng đồng để chủ động dự phòng các yếu tố nguy cơ phổ biến đối với sức khỏe nhằm phòng tránh bệnh tật, bảo vệ sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.

2.3. Mục tiêu 3: Thực hiện quản lý, chăm sóc sức khỏe liên tục, lâu dài tại tuyến y tế cơ sở để góp phần giảm gánh nặng bệnh tật, tử vong và nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân.

3. Các chỉ tiêu đến năm 2025 và 2030 của từng lĩnh vực: Phụ lục kèm theo.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Quản lý chỉ đạo, thực thi chính sách và phối hợp liên ngành

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp để tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình Sức khỏe Việt Nam. Các cấp chính

quyền chủ động xây dựng kế hoạch, chỉ đạo thực hiện, dựa vào chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội của địa phương và ưu tiên phân bổ kinh phí hàng năm để đạt được các mục tiêu sức khỏe ở từng địa phương trên cơ sở các mục tiêu sức khỏe của tỉnh.

- Tăng cường trách nhiệm của các sở, ngành và các địa phương để phối hợp triển khai thực hiện các chính sách, hoạt động của Chương trình Sức khỏe Việt Nam thuộc phạm vi do ngành, địa phương phụ trách.

- Phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ phục hồi chức năng và hỗ trợ xã hội cho người cao tuổi và các đối tượng bảo trợ xã hội khác theo quy định, bảo đảm sự phối hợp và kết nối hiệu quả giữa ngành Lao động - Thương binh và Xã hội và ngành Y tế.

- Đảm bảo thực hiện các chính sách, quy định của pháp luật về kiểm soát yếu tố nguy cơ, thúc đẩy các yếu tố tăng cường sức khỏe và phòng, chống bệnh tật bao gồm: Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá; Luật Bảo vệ môi trường; Luật An toàn thực phẩm; Luật An toàn, vệ sinh lao động; Luật Người cao tuổi; Luật Trẻ em; Chính sách quốc gia phòng, chống tác hại của lạm dụng đồ uống có cồn đến năm 2020 và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan khác.

2. Chuyên môn nghiệp vụ

2.1. Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý

- Chăm sóc dinh dưỡng cho 1.000 ngày đầu đời, bao gồm chăm sóc dinh dưỡng hợp lý cho bà mẹ trước, trong và sau sinh; nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu; ăn bổ sung hợp lý cho trẻ dưới 2 tuổi; thực hiện theo dõi tăng trưởng và phát triển của trẻ.

- Can thiệp dinh dưỡng cho những đối tượng có nguy cơ cao: Bổ sung viên nang Vitamin A cho trẻ em và bà mẹ sau sinh; đa vi chất cho trẻ em; viên sắt/đa vi chất cho trẻ gái vị thành niên, phụ nữ lứa tuổi sinh đẻ, phụ nữ có thai và cho con bú; kẽm cho trẻ tiêu chảy; thực hiện điều trị suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em và hỗ trợ dinh dưỡng vùng có thiên tai, thảm họa; thực hiện tẩy giun định kỳ cho trẻ em và phụ nữ theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Cải thiện về số lượng, nâng cao chất lượng bữa ăn của người dân: Xây dựng và phổ biến các hướng dẫn cho người dân và những đối tượng đặc thù về chế độ dinh dưỡng và hoạt động thể lực hợp lý; tuyên truyền người dân giảm bớt muối trong các bữa ăn, tăng cường ăn nhiều rau và hoa quả.

- Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ tư vấn và phục hồi dinh dưỡng, phòng chống thừa cân, béo phì và các bệnh không lây nhiễm tại các tuyến.

- Triển khai các hướng dẫn chuyên môn về dinh dưỡng điều trị, dinh dưỡng lâm sàng tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

2.2. Tăng cường vận động thể lực cho người dân

a) Hỗ trợ người dân tăng cường vận động thể lực:

- Duy trì tổ chức ngày chạy Olympic “Vì sức khỏe toàn dân” và phong trào 10.000 bước chân mỗi ngày để vận động, khuyến khích, hỗ trợ cho người dân tham gia và duy trì thói quen vận động thể lực bằng hình thức đi bộ.

- Tập trung đầu tư cơ sở vật chất và dụng cụ tập luyện thể thao gắn với các tiêu chí, chương trình xây dựng nông thôn mới, ưu tiên dành vị trí quỹ đất và xây dựng các công trình thể thao cấp cơ sở thuận lợi cho việc tập luyện của quần chúng nhân dân.

- Tạo cơ chế, chính sách thúc đẩy công tác xã hội hóa thể dục, thể thao và phát triển các loại hình câu lạc bộ thể thao, doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh thể dục thể thao.

- Phát triển mạnh mẽ phong trào thể dục thể thao quần chúng, phối hợp nâng cao thành tích thể thao ở một số môn mũi nhọn của tỉnh.

- Tiếp tục đẩy mạnh hưởng ứng cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, bảo tồn và phát huy các môn thể thao truyền thống, thể thao dân tộc; tăng cường tổ chức giải thể thao từ tỉnh đến cơ sở.

b) Tăng cường vận động thể chất cho trẻ em, học sinh, sinh viên:

- Tổ chức tốt các chương trình giáo dục thể chất trong trường học; bảo đảm không gian, cơ sở vật chất và trang thiết bị cho các hoạt động luyện tập, rèn luyện thể dục, thể thao của học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục theo quy định.

- Duy trì các hoạt động thể dục đầu giờ, giữa giờ và bảo đảm số giờ thể dục trong chương trình chính khóa. Tổ chức đa dạng các loại hình vận động thể lực ngoại khóa, tăng cường vận động thể lực thông qua các sinh hoạt, vui chơi giải trí có tính chất vận động ở trường và hạn chế thời gian ngồi lâu tại chỗ. Bảo đảm mỗi học sinh tối thiểu được vận động thể lực 60 phút trong một ngày.

2.3. Chăm sóc sức khỏe trẻ em và học sinh

a) Tiêm chủng cho trẻ em: Bảo đảm việc cung ứng vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng; tổ chức tiêm chủng đầy đủ, đúng lịch, an toàn cho mọi trẻ em trong diện tiêm chủng. Áp dụng công nghệ thông tin để triển khai và duy trì hiệu quả hệ thống quản lý tiêm chủng quốc gia; duy trì và nâng cao chất lượng tiêm chủng thường xuyên tại 100% xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. Đối với các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn sẽ tổ chức các đội tiêm chủng lưu động đến từng thôn, làng để triển khai các hoạt động tiêm chủng, tiến tới rút ngắn khoảng cách về chất lượng, tỷ lệ tiêm chủng giữa các xã này với các khu vực thuận tiện trong hoạt động tiêm chủng.

b) Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý cho học sinh:

- Giáo dục thay đổi hành vi cho học sinh về dinh dưỡng hợp lý bao gồm: ăn tối thiểu 3 bữa ăn/ngày; ăn đủ rau và trái cây; hạn chế ăn đồ ăn nhanh, thực phẩm chế biến sẵn, nước ngọt có ga; giảm muối trong khẩu phần ăn.

- Có chương trình phối hợp giữa nhà trường và gia đình để giáo dục, hướng dẫn bảo đảm chế độ dinh dưỡng và hoạt động thể lực phù hợp cho nhóm học sinh tuổi tiền dậy thì và dậy thì để phát triển tốt về tầm vóc và thể chất.

- Xây dựng thực đơn dinh dưỡng hợp lý và tổ chức các bữa ăn bảo đảm dinh dưỡng hợp lý cho trẻ em, học sinh tại các cơ sở giáo dục có ăn bán trú, nội trú hoặc có cung cấp dịch vụ ăn uống.

- Quản lý hoạt động của căng - tin, dịch vụ trong trường học nhằm hạn chế tiếp cận của học sinh với các sản phẩm thực phẩm không có lợi cho sức khỏe; thực thi quy định không bán sản phẩm, thực phẩm không có lợi cho sức khỏe ở khu vực công trường.

- Tư vấn sức khỏe và dinh dưỡng cho học sinh và phụ huynh học sinh; định kỳ theo dõi tình trạng dinh dưỡng, phát triển và kiểm tra sức khỏe của học sinh để phát hiện sớm các nguy cơ sức khỏe và bệnh tật; duy trì tẩy giun định kỳ tại những vùng có tỷ lệ nhiễm giun cao.

c) Chăm sóc mắt cho trẻ em:

- Cung cấp các dụng cụ, công cụ đơn giản cho các trạm y tế xã và các trường học kết hợp với hướng dẫn, hỗ trợ trẻ em, học sinh thường xuyên tự đánh giá phát hiện ban đầu tình trạng giảm thị lực.

- Tổ chức khám, kê đơn kính, theo dõi và hướng dẫn chăm sóc mắt cho những trẻ em, học sinh giảm thị lực.

- Tổ chức các hoạt động ngoài trời phù hợp cho học sinh để tăng thời gian trẻ em được vận động thể lực ngoài trời, tăng thời gian mắt được rèn luyện thị lực bằng ánh sáng tự nhiên.

2.4. Phòng chống tác hại của thuốc lá

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực thi Luật Phòng chống tác hại của thuốc. Tổ chức triển khai hiệu quả các biện pháp phòng, chống thuốc lá nhập lậu, thuốc lá giả. Thực hiện triệt để và xử phạt nghiêm hành vi vi phạm quy định không hút thuốc nơi công cộng, trường học, bệnh viện, gia đình, cơ quan, xí nghiệp.

- Hướng dẫn chuyên môn và triển khai các can thiệp phòng, chống tác hại của thuốc lá để nâng cao sức khỏe phòng, chống các bệnh không lây nhiễm; cung cấp dịch vụ tư vấn và điều trị cai nghiện thuốc lá tại các cơ sở y tế và cộng đồng.

2.5. Phòng chống tác hại của sử dụng rượu, bia và đồ uống có cồn khác

- Thực hiện nghiêm Chính sách Quốc gia về phòng chống tác hại của lạm dụng rượu, bia theo Quyết định số 244/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; triển khai triệt để các quy định không uống rượu, bia trong giờ làm việc, không lạm dụng rượu, bia trong các sinh hoạt cộng đồng (ma chay, cưới hỏi...).

- Tăng cường các biện pháp quản lý sản xuất, kinh doanh rượu, bia; phòng ngừa và xử lý rượu, bia nhập lậu, rượu, bia giả, không bảo đảm an toàn.

- Hướng dẫn chuyên môn và triển khai các can thiệp phòng, chống tác hại của việc lạm dụng đồ uống có cồn, bảo đảm dinh dưỡng hợp lý để nâng cao sức khỏe phòng, chống các bệnh không lây nhiễm; cung cấp dịch vụ tư vấn, cai nghiện rượu, bia tại các cơ sở y tế và tại cộng đồng.

2.6. Vệ sinh môi trường

- Triển khai công tác truyền thông về nguy cơ, nâng cao năng lực giám sát và đánh giá tác động, xây dựng hệ thống quản lý thông tin và báo cáo thống kê về tình hình bệnh tật, tử vong do tác động của hóa chất độc hại và ô nhiễm môi trường.

- Thực hiện đồng bộ các biện pháp ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai để giảm thiểu tác động đến sức khỏe người dân: Triển khai thực hiện Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu và Kế hoạch số 2492/KH-UBND ngày 13/9/2017 của UBND tỉnh Kon Tum về triển khai Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016.

- Có các giải pháp chuyên môn kỹ thuật phù hợp với vùng miền, tập quán sinh hoạt của người dân để tăng tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Tăng cường các hoạt động truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh nhằm nâng cao sức khỏe, giảm tỷ lệ bệnh tật liên quan đến môi trường, vận động người dân xây dựng công trình cấp nước sạch, nhà tiêu hợp vệ sinh hoặc cải tạo nhà tiêu không hợp vệ sinh, chắm dứt đi tiêu bừa bãi; thực hành ủ phân hợp vệ sinh, không sử dụng phân tươi để bón ruộng và xóa bỏ cầu tiêu ao cá.

- Quản lý tốt rác thải sinh hoạt; vận động người dân thu gom, loại bỏ dụng cụ phế thải, hạn chế tối đa nơi sinh sản của muỗi truyền bệnh sốt xuất huyết.

- Tăng cường triển khai Kế hoạch an toàn nước, giám sát chất lượng nước ăn uống, nước sinh hoạt; vận động người dân sử dụng nước sạch cho ăn uống và sinh hoạt giữ gìn vệ sinh nguồn nước và dụng cụ chứa nước tại các cộng đồng dân cư; thực hiện tốt việc xử lý nước và vệ sinh môi trường trong mùa lũ lụt.

- Vận động người dân làm chuồng trại xa nhà, không thả rông gia súc; thường xuyên tổ chức những đợt tổng vệ sinh đường làng, ngõ xóm, cơ quan, trường học, nơi công cộng và nhà dân để tạo thói quen và nề nếp vệ sinh trong nhân dân.

- Tăng cường tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo vệ bảo vệ môi trường, phân loại rác tại nguồn và thu gom rác thải, tham mưu ban hành các cơ chế, chính sách về thu gom, xử lý rác thải rắn trên địa bàn tỉnh: Xây dựng và thực hiện kế hoạch truyền thông môi trường thông qua các chương trình, sự kiện môi trường hàng năm được luân phiên tổ chức như: Ngày đất ngập nước (2/2), Ngày Thế giới nước (22/3), Ngày Khí tượng thế giới, Tuần lễ quốc gia về nước sạch vệ sinh môi trường, Ngày đa dạng sinh học (22/5), Thánh hành động vì môi trường hưởng ứng Ngày môi trường thế giới (05/6), Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức cộng đồng về quản lý rác thải vì môi trường nông thôn bền vững; tiếp tục thực hiện các chương trình phối hợp liên tịch trong công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về môi trường thông qua các hình thức: tổ chức tập huấn kiến thức môi trường, tổ chức hội thi, tuyên truyền kiến thức về bảo vệ môi trường.

- Rửa tay với xà phòng:

+ Phối hợp liên ngành để triển khai hiệu quả Chương trình Cộng đồng chung tay phòng chống dịch bệnh; tuyên truyền về lợi ích của rửa tay với xà phòng, quy trình rửa tay đúng cách và các thời điểm cần rửa tay với xà phòng.

+ Tổ chức chiến dịch hưởng ứng Ngày thế giới rửa tay với xà phòng hàng năm. Xây dựng và nhân rộng các mô hình truyền thống rửa tay với xà phòng trong trường học, nơi công cộng và tại hộ gia đình.

+ Trang bị các thiết bị, điều kiện hỗ trợ cho việc rửa tay với xà phòng tại nơi làm việc và các nơi công cộng khác.

2.7. An toàn thực phẩm

- Phát huy hiệu quả vai trò phối hợp liên ngành về an toàn thực phẩm (ATTP) tại địa phương. Thực hiện thanh, kiểm tra việc chấp hành các quy định về điều kiện ATTP đối với các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, các cơ sở chế biến suất ăn sẵn, bếp ăn tập thể, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, kinh doanh thức ăn đường phố, dịch vụ nấu ăn lưu động, khách sạn, khu du lịch, lễ hội, chợ, trường học, khu công nghiệp và hậu kiểm đối với những sản phẩm tự công bố, công bố sản phẩm và quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.

- Tăng cường năng lực của hệ thống quản lý nhà nước về ATTP tại địa phương.

- Đẩy mạnh nhân rộng trong toàn tỉnh các mô hình tiên tiến về quản lý, sản xuất thực phẩm an toàn. Áp dụng các quy trình thực hành sản xuất tốt trong sản xuất rau, quả và chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản gắn với chứng nhận và công bố tiêu chuẩn chất lượng. Phổ biến, hướng dẫn cho các doanh nghiệp chế biến thực phẩm, tư vấn và áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng an toàn thực phẩm tiên tiến (GMP, GHP, HACCP, ISO 22000).

- Đẩy mạnh triển khai nhân rộng, phát triển chuỗi cung ứng thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn tại địa phương.

- Điều tra, giám sát ngộ độc thực phẩm, giám sát nguy cơ gây ô nhiễm thực phẩm và phân tích nguy cơ an toàn thực phẩm; giám sát dịch tễ học các bệnh truyền qua thực phẩm; cảnh báo, xử lý các sự cố về ATTP, kiểm soát ATTP các cơ sở dịch vụ ăn uống, bếp ăn tập thể và thức ăn đường phố; giám sát dịch tễ học các bệnh truyền qua thực phẩm.

- Tập huấn, cung cấp tài liệu và hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ cho tuyến cơ sở trong việc triển khai công tác bảo đảm ATTP trên địa bàn; hướng dẫn triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về ATTP mới ban hành cho tuyến cơ sở.

2.8. Phòng chống một số bệnh không lây nhiễm nhằm tăng tỷ lệ phát hiện và quản lý điều trị đối với các bệnh (1) tăng huyết áp, (2) đái tháo đường, (3) một số loại ung thư

- Cung cấp thông tin dưới nhiều hình thức, hỗ trợ, hướng dẫn người dân biết tự theo dõi tình trạng sức khỏe, chủ động, định kỳ đi đo huyết áp để phát hiện sớm tăng huyết áp, kiểm tra đường huyết để phát hiện sớm đái tháo đường

và khám phát hiện sớm một số bệnh ung thư; tư vấn cho người dân thay đổi hành vi; hướng dẫn người mắc bệnh mạn tính tuân thủ việc dùng thuốc và tự chăm sóc tại nhà theo chỉ định của thầy thuốc.

- Phát hiện sớm và quản lý bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng:

+ Tăng cường phát hiện, điều trị, quản lý tại trạm y tế xã và cộng đồng cho người mắc bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, hen phế quản và các không lây nhiễm khác theo quy định, bảo đảm cung cấp dịch vụ quản lý, theo dõi và chăm sóc liên tục cho người bệnh.

+ Triển khai các hoạt động khám sàng lọc, phát hiện, điều trị dự phòng và điều trị duy trì theo chỉ định của tuyến trên, từng bước tiến tới tự quản lý điều trị được một số bệnh không lây nhiễm ở những trạm y tế đủ điều kiện.

+ Cung cấp đủ thuốc thiết yếu cho điều trị bệnh tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, hen phế quản và một số bệnh không lây nhiễm khác ở tuyến xã theo quy định.

+ Tăng cường hiệu quả hoạt động của lĩnh vực y tế dự phòng trong kiểm soát yếu tố nguy cơ và các tình trạng tiền bệnh để dự phòng các bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản.

+ Triển khai thực hiện hiệu quả công tác tiêm vắc xin phòng ung thư; từng bước mở rộng triển khai dịch vụ tiêm phòng HPV để phòng ung thư cổ tử cung cho phụ nữ trong độ tuổi tiêm phòng và các loại vắc xin khác nếu có.

2.9. Chăm sóc sức khỏe người dân tại cộng đồng

- Triển khai đầy đủ và hiệu quả các nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân tại tuyến y tế cơ sở.

- Định kỳ kiểm tra sức khỏe cho người dân, bảo đảm mọi người dân được định kỳ kiểm tra, theo dõi các chỉ số sức khỏe cơ bản như: BMI, huyết áp, đường máu, sàng lọc một số ung thư và theo dõi các chỉ số khác phù hợp theo nhóm tuổi và nhóm đối tượng.

- Lập Hồ sơ quản lý sức khỏe cho cá nhân để cập nhật, theo dõi, quản lý sức khỏe liên tục và lâu dài cho từng đối tượng theo các nhóm tuổi: trẻ em, học sinh, người lao động và người cao tuổi.

- Theo dõi tình trạng sức khỏe, quản lý, khám, tư vấn, chuyển tuyến, can thiệp chăm sóc sức khỏe kịp thời cho người dân đặc biệt đối với quản lý bệnh không lây nhiễm và bệnh mạn tính khác.

- Ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý, chăm sóc sức khỏe:

+ Kết nối liên tục, chia sẻ thông tin giữa các tuyến để bảo đảm theo dõi sức khỏe tình trạng bệnh tật của cá nhân một cách liên tục. Bảo đảm bảo mật các thông tin về sức khỏe của người dân.

+ Từng bước tích hợp các nội dung vào hệ thống quản lý thông tin để: (1) phát hiện bệnh sớm, (2) quản lý tiêm chủng, (3) giám sát bệnh truyền nhiễm, (4) quản lý các bệnh không lây nhiễm, (5) thống kê báo cáo.

+ Triển khai hệ thống thông tin quản lý sức khỏe, có trang thông tin điện tử để giao tiếp, kết nối với người dân, người bệnh, chia sẻ thông tin, cảnh báo sức khỏe, hỗ trợ người dân thực hành dinh dưỡng hợp lý và tăng cường vận động thể lực, hướng dẫn đi khám, kiểm tra sức khỏe, tiêm chủng, dùng thuốc và tự chăm sóc.

2.10. Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi

- Tiếp tục phát triển mạng lưới các cơ sở lão khoa trên toàn quốc.

- Thực hiện chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại tuyến y tế cơ sở, tại các Trung tâm Bảo trợ xã hội, nhà dưỡng lão và tại cộng đồng:

+ Cung cấp các hướng dẫn chuyên môn, tăng cường đào tạo tập huấn về chăm sóc người cao tuổi kết hợp quản lý bệnh mạn tính tại cộng đồng cho cán bộ y tế tuyến cơ sở và cho người chăm sóc.

+ Triển khai chăm sóc dài hạn lồng ghép quản lý bệnh không lây nhiễm cho người cao tuổi tại gia đình và cộng đồng.

+ Phát triển mạng lưới bác sỹ gia đình để cung cấp các dịch vụ quản lý bệnh mạn tính và chăm sóc dài hạn cho người cao tuổi.

+ Thực hiện quản lý sức khỏe và kiểm tra sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi, bảo đảm mỗi người cao tuổi được định kỳ kiểm tra huyết áp, xét nghiệm đường máu và các chỉ số cơ bản khác.

2.11. Chăm sóc sức khỏe người lao động

- Triển khai các chương trình nâng cao sức khỏe tại nơi làm việc. Tuyên truyền nâng cao nhận thức về vệ sinh môi trường lao động, các biện pháp an toàn vệ sinh lao động, phòng chống các yếu tố nguy cơ và yếu tố có hại, áp dụng hiệu quả mô hình phòng chống tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp phổ biến tại các cơ sở lao động.

- Kiểm soát ô nhiễm môi trường tại các khu công nghiệp, cơ sở sản xuất, làng nghề.

- Phối hợp, lồng ghép khám phát hiện bệnh không lây nhiễm trong khám sức khỏe định kỳ, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp và quản lý sức khỏe người lao động tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức. Triển khai quản lý sức khỏe người lao động, bảo đảm người lao động được chăm sóc liên tục, lâu dài bởi bộ phận y tế của các cơ sở lao động hoặc trạm y tế xã.

- Triển khai dịch vụ chăm sóc sức khỏe lao động cơ bản cho người lao động trong khu vực không có hợp đồng lao động (các khu vực nông nghiệp, làng nghề, lâm nghiệp và ngư nghiệp...) tập trung vào các nội dung: quản lý sức khỏe người lao động thông qua quản lý hồ sơ sức khỏe chung của người dân trên địa bàn xã; rà soát môi trường làm việc, tư vấn cải thiện điều kiện lao động; thông tin, truyền thông về các yếu tố nguy cơ, yếu tố có hại gây bệnh nghề nghiệp; và thực hiện sơ cứu, cấp cứu các trường hợp tai nạn lao động tại trạm y tế xã và cơ sở y tế tương đương.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, tăng cường hợp tác quốc tế, nghiên cứu, ứng dụng về khoa học công nghệ trong lĩnh vực vệ sinh lao động, quan trắc môi trường lao động, khám sức khỏe người lao động và bệnh nghề nghiệp.

2.12. Hướng dẫn cho cộng đồng về nâng cao sức khỏe, dự phòng bệnh tật phù hợp với từng nhóm đối tượng, đặc biệt tài liệu cho trẻ em, học sinh, người lao động và người cao tuổi. Cung cấp tài liệu chuyên môn kỹ thuật, nâng cao năng lực cho mạng lưới y tế, đặc biệt là y tế cơ sở để sàng lọc; tư vấn về sức khỏe, dinh dưỡng và vận động thể lực; cai nghiện thuốc lá, rượu, bia; hỗ trợ, chăm sóc sức khỏe cho trẻ em, học sinh, người lao động và người cao tuổi.

2.13. Đảm bảo sự tương thích, lồng ghép hài hòa các giải pháp chuyên môn kỹ thuật của các chương trình, dự án, đề án hiện có của ngành y tế và các ngành khác để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình Sức khỏe.

3. Truyền thông vận động xã hội

3.1. Ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng và phát huy hiệu quả mạng lưới thông tin truyền thông địa phương để tuyên truyền, phổ biến vận động các cấp, các ngành, đoàn thể và người dân thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật, các hướng dẫn, khuyến cáo về nâng cao sức khỏe, phòng, chống bệnh tật.

3.2. Nghiên cứu, xây dựng và cung cấp các chương trình, tài liệu truyền thông về sức khỏe phù hợp với phương thức truyền thông và các nhóm đối tượng:

- Các chương trình truyền thông, giáo dục sức khỏe tại cộng đồng, hướng dẫn thực hành chế độ dinh dưỡng hợp lý ở các gia đình, cơ sở giáo dục và các cơ sở sản xuất, kinh doanh; truyền thông giảm muối trong khẩu phần ăn của người dân khuyến khích ăn đủ rau và trái cây, giảm tiêu thụ nước ngọt có đường...

- Truyền thông vận động phong trào toàn dân vận động thể lực, rèn luyện thể dục thể thao, tổ chức ngày toàn dân đi bộ. Xây dựng, phổ biến và nhân rộng mô hình rèn luyện thể dục thể thao, đi bộ ở nơi làm việc và ở cộng đồng dân cư.

- Truyền thông để phổ biến và thúc đẩy việc tuân thủ Luật Phòng chống tác hại của thuốc lá, đặc biệt là quy định về môi trường không khói thuốc.

- Truyền thông về phòng chống tác hại của rượu, bia trên thông tin đại chúng và trong các cơ sở giáo dục.

- Truyền thông, vận động người dân đưa trẻ em đi tiêm chủng đầy đủ và đúng lịch.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ chăm sóc sức khỏe người lao động, nhận biết nguy cơ và phòng chống hiệu quả bệnh nghề nghiệp đối với ngành y tế và các ngành nghề lao động đặc thù. Phối hợp với các Bộ, ngành thực hiện Tháng hành động quốc gia về an toàn lao động, vệ sinh lao động phòng chống cháy nổ hàng năm.

- Triển khai mạnh mẽ và đồng bộ các hoạt động thông tin, giáo dục và truyền thông thay đổi hành vi về an toàn thực phẩm; xây dựng và phát triển các kỹ năng truyền thông; nâng cao số lượng, chất lượng các tài liệu và thông điệp

truyền thông về an toàn thực phẩm. Phối hợp với Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ trong tuyên truyền, vận động nhân dân sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm an toàn.

- Chú trọng truyền thông về Chương trình Sức khỏe Việt Nam thông qua các phương thức truyền thông phổ biến như truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng, internet, thông qua mạng lưới thông tin truyền thông ở cơ sở, gắn với các chương trình giáo dục, chương trình văn hóa, văn nghệ, thể thao, các cuộc vận động, các phong trào quần chúng và các hoạt động khác ở cộng đồng.

3.3. Lồng ghép chủ đề truyền thông của Chương trình Sức khỏe Việt Nam vào các chiến dịch truyền thông, các ngày, sự kiện sức khỏe trong năm như: Ngày Ung thư thế giới, Ngày Sức khỏe thế giới, Ngày Hen toàn cầu, Ngày Phòng chống tăng huyết áp thế giới, Ngày/Tuần lễ Không thuốc lá, Ngày Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính toàn cầu, Ngày Tim mạch thế giới, Ngày Sức khỏe tâm thần thế giới, Ngày Đột quỵ thế giới, Ngày Phòng chống đái tháo đường thế giới, Tuần lễ Dinh dưỡng và phát triển, Ngày Nhà vệ sinh thế giới, Ngày Môi trường thế giới, Ngày Nước thế giới, Ngày Thế giới rửa tay với xà phòng, Ngày Thể thao Việt Nam, Tuần lễ Tiêm chủng thế giới, Tháng Hành động vì an toàn thực phẩm và các sự kiện liên quan khác.

4. Hợp tác quốc tế

4.1. Chủ động, tích cực hợp tác với các viện, trường, các hiệp hội, tổ chức trong khu vực và trên thế giới trong nghiên cứu, đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ cho Chương trình Sức khỏe.

4.2. Tăng cường hợp tác với các cơ quan, tổ chức quốc tế và trong nước khác để hỗ trợ, thúc đẩy triển khai thực hiện các hoạt động; lồng ghép các dự án hợp tác quốc tế với hoạt động của Chương trình Sức khỏe nhằm thực hiện được các mục tiêu sức khỏe.

4.3. Tăng cường chia sẻ các bài học kinh nghiệm quốc tế trong việc triển khai các chương trình, hoạt động để đạt các mục tiêu sức khỏe của tỉnh.

5. Theo dõi, giám sát và đánh giá

5.1. Thường xuyên theo dõi, dự báo, giám sát yếu tố nguy cơ, số mắc bệnh và tử vong do bệnh tật và dịch bệnh; triển khai giám sát tử vong tại cộng đồng trên cơ sở thu thập thông tin từ hệ thống thống kê tử vong của trạm y tế xã. Thu thập đầy đủ các thông tin về mắc và tử vong do bệnh tật từ hệ thống báo cáo tử tuyến tỉnh đến tuyến xã. Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý, kết nối giữa các tuyến để hỗ trợ chăm sóc, theo dõi bệnh nhân liên tục và lâu dài.

5.2. Kiểm tra, giám sát, đánh giá, định kỳ sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm và đề xuất thêm các lĩnh vực, các mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp cho giai đoạn tiếp theo.

6. Nguồn lực:

6.1. Nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình Sức khỏe Việt Nam được lồng ghép từ nguồn lực của các chương trình, dự án và từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

6.2. Huy động sự tham gia, đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân để hỗ trợ nguồn lực cho xây dựng các mô hình nâng cao sức khỏe cộng đồng, tạo điều kiện cho người dân thực hiện các hành vi có lợi cho sức khỏe.

6.3. Việc thực hiện các hoạt động của Chương trình Sức khỏe Việt Nam cần bảo đảm nguyên lòng ghép trong kinh phí thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, lồng ghép trên cơ sở tăng cường, điều chỉnh, mở rộng các chương trình, dự án, đề án có liên quan triển khai trên địa bàn tỉnh.

Kinh phí hiện có cho các chương trình, dự án, đề án cần phải được ưu tiên phân bổ nhằm đạt được các chỉ tiêu, mục tiêu của Chương trình Sức khỏe.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

2. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam trên địa bàn tỉnh.

- Chịu trách nhiệm chỉ đạo tổ chức triển khai các hoạt động của Chương trình thuộc ngành y tế; hướng dẫn, hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật cho các sở, ngành, địa phương và cơ quan, tổ chức có liên quan triển khai thực hiện các hoạt động của Chương trình; chủ trì, phối hợp để cung cấp các thông tin về Chương trình Sức khỏe Việt Nam cho các cơ quan báo chí và hệ thống thông tin cơ sở.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình; định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chỉ đạo triển khai hoạt động truyền thông thay đổi hành vi và giảng dạy kiến thức cho trẻ em, học sinh trong các cơ sở giáo dục về dinh dưỡng hợp lý, tăng cường vận động thể lực, an toàn thực phẩm, vệ sinh phòng bệnh và phòng, chống các yếu tố nguy cơ sức khỏe.

- Tổ chức triển khai các chương trình, hoạt động về chăm sóc mắt, bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và an toàn thực phẩm, sữa học đường, tăng cường vận động thể lực và chăm sóc sức khỏe học sinh.

- Củng cố, kiện toàn và nâng cao hiệu quả công tác y tế trường học bảo đảm chăm sóc sức khỏe ban đầu đối với trẻ em, học sinh trong các trường học.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan triển khai các chính sách, quy định pháp luật về phát triển thể dục, thể thao quần chúng.

- Chỉ đạo, triển khai các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn, vận động nhân dân tham gia tích cực cuộc vận động "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại" và các hoạt động khác của Chương trình Sức khỏe Việt Nam.

- Duy trì tổ chức ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân và phối hợp với Sở Y tế triển khai chương trình 10.000 bước chân mỗi ngày.

- Phối hợp chỉ đạo xây dựng mô hình cơ quan, đơn vị, địa phương có sân, bãi tập luyện thể dục thể thao; khu du lịch không khói thuốc lá, làng, bản, khu dân cư văn hóa. Lồng ghép các chỉ tiêu và nội dung liên quan của Chương trình Sức khỏe Việt Nam trong chương trình, kế hoạch, đề án của ngành.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Triển khai thực hiện các chính sách nhằm khuyến khích, hướng dẫn sản xuất các thực phẩm an toàn, dinh dưỡng có lợi cho sức khỏe; chỉ đạo triển khai có hiệu quả việc nhân rộng, phát triển chuỗi cung ứng thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn; chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương phát triển sản xuất nhằm đảm bảo an ninh lương thực.

- Chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, trong đó có nội dung về các can thiệp dinh dưỡng giảm thấp còi, bảo đảm cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tăng cường quản lý, thanh tra, giám sát bảo đảm thực phẩm sạch; kiểm soát dư lượng phân bón, các chất tăng trưởng, chất kháng sinh, chất phụ gia, thuốc bảo vệ thực vật trong các sản phẩm nông nghiệp.

6. Sở Xây dựng: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố rà soát, bổ sung các đề án quy hoạch; định hướng phát triển và tăng cường kiểm tra hoạt động đầu tư phát triển đô thị nhằm bảo đảm không gian sống và cơ sở vật chất cho tăng cường vận động thể lực, nâng cao chất lượng sống cho cư dân đô thị. Bảo đảm các tiện ích phục vụ người khuyết tật và người cao tuổi.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Thực hiện đồng bộ các biện pháp ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai để giảm thiểu tác động đến sức khỏe người dân.

- Tăng cường tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo vệ bảo vệ môi trường, phân loại rác tại nguồn và thu gom rác thải, tham mưu ban hành các cơ chế, chính sách về thu gom, xử lý rác thải rắn trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh thực thi Luật Bảo vệ môi trường; triển khai thực hiện các quy định pháp luật nhằm giảm thiểu tối đa các yếu tố nguy hại đến sức khỏe nhân dân theo thẩm quyền nhằm thực hiện mục tiêu của Chương trình Sức khỏe Việt Nam.

8. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tấn báo chí và hệ thống thông tin cơ sở tăng cường công tác truyền thông, triển khai các hoạt động thông tin, giáo dục của Chương trình Sức khỏe Việt Nam.

- Quản lý, kiểm soát việc quảng cáo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với thuốc lá, rượu, bia và các sản phẩm khác có yếu tố nguy cơ sức khỏe.

9. Sở Giao thông vận tải: Tăng cường quản lý, kiểm soát theo quy định đối với các phương tiện giao thông cơ giới thải ra môi trường các chất có nguy

cơ đối với sức khỏe; nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phát triển giao thông công cộng và hạ tầng cơ sở cho giao thông phi cơ giới; bảo đảm các tiện ích phục vụ cho người khuyết tật, người cao tuổi khi tham gia giao thông.

10. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế và các đơn vị liên quan, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đưa một số chỉ tiêu của Chương trình sức khỏe vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển và vận động, huy động các nguồn tài trợ trong và ngoài nước để thực hiện kế hoạch theo quy định của pháp luật.

11. Sở Tài chính: Phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bố trí kinh phí để thực hiện kế hoạch trong tổng chi sự nghiệp y tế hàng năm, phù hợp với khả năng ngân sách địa phương và quy định hiện hành.

12. Sở Công Thương:

- Tăng cường công tác quản lý sản xuất, kinh doanh rượu, bia; phòng ngừa và xử lý rượu, bia nhập lậu, rượu, bia giả, không bảo đảm an toàn;

- Tổ chức triển khai hiệu quả các biện pháp phòng, chống thuốc lá nhập lậu, thuốc lá giả.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan quản lý an toàn thực phẩm trong suốt quá trình sản xuất, chế biến, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh đối với các sản phẩm và cơ sở sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Công thương quy định tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

13. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan tăng cường quản lý, thanh tra, giám sát bảo đảm môi trường làm việc nâng cao sức khỏe cho người lao động, giảm thiểu các yếu tố nguy cơ gây bệnh; phối hợp với Liên đoàn lao động tỉnh để tổ chức bữa ăn bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và an toàn thực phẩm cho người lao động.

- Phối hợp với Sở Y tế tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc nhằm phát hiện sớm, điều trị, phục hồi chức năng và quản lý sức khỏe cho người lao động mắc bệnh không lây nhiễm, bệnh nghề nghiệp và các bệnh tật khác.

- Phối hợp với Sở Y tế nâng cao chất lượng chăm sóc y tế, chỉnh hình và phục hồi chức năng đối với người cao tuổi và một số đối tượng cần chăm sóc đặc thù khác.

14. Sở Khoa học và Công nghệ: Phối hợp phổ biến thông tin, tri thức về Chương trình Sức khỏe Việt Nam và nâng cao sức khỏe.

15. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Căn cứ các chỉ tiêu, mục tiêu của Kế hoạch này, chủ động xây dựng Kế hoạch thực hiện phù hợp với yêu cầu của địa phương, đưa các chỉ tiêu của Chương trình Sức khỏe Việt Nam vào trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Trực tiếp chỉ đạo các cấp, các ngành tại địa phương triển khai thực hiện lồng ghép các nội dung hoạt động của Chương trình trên địa bàn, bố trí đủ ngân sách, nhân lực, cơ sở vật chất để triển khai thực hiện được các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình Sức khỏe Việt Nam tại địa phương.

- Hàng năm tổ chức kiểm tra, giám sát, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện của kế hoạch về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

15. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Kon Tum và các tổ chức chính trị - xã hội có liên quan

- Chỉ đạo, triển khai và phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động toàn dân tích cực tham gia các hoạt động của Chương trình Sức khỏe Việt Nam.

- Chỉ đạo các hoạt động lồng ghép các chỉ tiêu xây dựng Chương trình trong cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

Căn cứ nội dung Kế hoạch, các đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện theo chức năng, lĩnh vực, phạm vi quản lý; lồng ghép các hoạt động của Chương trình sức khỏe vào các kế hoạch, chương trình, dự án, đề án thuộc phạm vi của ngành, lĩnh vực, địa phương; định kỳ hàng năm (vào ngày 15/12) báo cáo kết quả thực hiện về Sở Y tế.

Sở Y tế theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (trước ngày 25/12 hàng năm) và tham mưu nội dung báo cáo khi có yêu cầu./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Y tế (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các sở, ngành, đơn vị liên quan;
- UBND các huyện, thành phố;
- CVP UBND tỉnh, PVP phụ trách;
- Lưu VT, KGVX3.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Thị Nga

PHỤ LỤC
CÁC CHỈ TIÊU ĐẾN NĂM 2025 VÀ 2030 CỦA TỪNG LĨNH VỰC
(theo Kế hoạch số 080 /KH-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2018
Của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

STT	Lĩnh vực/Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025	Năm 2030
I	Mục tiêu 1			
1	Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý			
	1) Giảm tỷ lệ trẻ <5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi	%	<35	<32
	2) Khống chế tỷ lệ người trưởng thành bị béo phì	%	<12	<10
	3) Tăng chiều cao trung bình của thanh niên (18 tuổi)			
	- Nam	cm	158	159,5
	- Nữ	cm	149	150,5
	4) Giảm tỷ lệ người trưởng thành ăn thiếu rau/ trái cây	%	40	35
	5) Giảm mức tiêu thụ muối/người/ngày	gam	<10	<9
2	Tăng cường vận động thể lực			
	6) Giảm tỷ lệ người dân thiếu vận động thể lực:			
	- Người 18 - 69 tuổi	%	20	15
	- Trẻ em 13 - 17 tuổi	%	80	10
II	Thực hiện Mục tiêu 2			
3	Phòng chống tác hại của thuốc lá			
	7) Giảm tỷ lệ hút thuốc ở nam giới trưởng thành	%	37	32,5
	8) Giảm tỷ lệ hút thuốc thụ động của người dân			
	- Tại nhà	%	50	40
	- Nơi làm việc	%	35	30
4	Phòng chống tác hại của rượu, bia			
	9) Giảm tỷ lệ uống rượu, bia ở mức nguy hại ở nam giới trưởng thành	%	39	35
5	Vệ sinh môi trường			
	10) Tăng tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch			
	- Nông thôn	%	95	>95
	- Thành thị	%	95	>95
	11) Tăng tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh			



STT	Lĩnh vực/Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025	Năm 2030
	- Nông thôn	%	75	85
	- Thành thị	%	90	>95
	12) Tăng tỷ lệ người dân rửa tay với xà phòng (trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh)	%	40	65
6	An toàn thực phẩm			
	13) Giảm số vụ ngộ độc thực phẩm tập thể từ 30 người mắc/vụ trở lên (so với trung bình giai đoạn 2011-2015)	%	10	20
	14) Tăng tỷ lệ người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, người quản lý và người tiêu dùng có kiến thức và thực hành đúng về an toàn thực phẩm	%	90	>95
	15) Tăng tỷ lệ cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh thực phẩm đạt điều kiện an toàn thực phẩm	%	90	>95
7	Chăm sóc sức khỏe trẻ em và học sinh			
	16) Tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đầy đủ:			
	- 12 loại vắc xin	%	>95	
	- 14 loại vắc xin	%		>95
	17) Tăng tỷ lệ trường học bán trú, nội trú có tổ chức bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng cho học sinh			
	- Trường mầm non	%	80	90
	- Trường tiểu học	%	50	65
	18) Tăng tỷ lệ học sinh được tầm soát phát hiện giảm thị lực, được kê đơn kính và được hướng dẫn rèn luyện thị lực	%	40	60
III	Thực hiện Mục tiêu 3			
8	Phát hiện và quản lý một số bệnh không lây nhiễm			
	19) Tỷ lệ trạm y tế cấp xã thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm phổ biến	%	95	100
	20) Tăng tỷ lệ phát hiện tăng huyết áp	%	50	50
	21) Tăng tỷ lệ quản lý tăng huyết áp	%	50	50
	22) Tăng tỷ lệ phát hiện đái tháo đường	%	50	70
	23) Tăng tỷ lệ quản lý đái tháo đường	%	>30	>40
	24) Tăng tỷ lệ người thuộc đối tượng nguy cơ được khám phát hiện sớm ung thư (Ung thư vú, ung thư cổ tử cung và ung thư đại trực tràng)	%	40	50

STT	Lĩnh vực/Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025	Năm 2030
9	Quản lý sức khỏe người dân			
	25) Tỷ lệ người dân được được quản lý, theo dõi sức khỏe tại cộng đồng	%	90	>95
10	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi			
	26) Tỷ lệ trạm y tế cấp xã triển khai chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng và gia đình	%	100	100
11	Chăm sóc sức khỏe người lao động			
	27) Tỷ lệ người lao động làm việc tại các cơ sở có nguy cơ bị các bệnh nghề nghiệp phổ biến được phát hiện bệnh nghề nghiệp	%	20	40
	28) Tỷ lệ xã thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe lao động cơ bản cho người lao động trong khu vực không có hợp đồng lao động (nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và làng nghề,...)	%	20	30

